TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2896/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Ông Phạm Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 459/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3518/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 4510/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kiều Thanh H, sinh năm 1989; CCCD số: xxxxxxxx0379; Địa chỉ: A chung cư B đường C, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Minh Nh, sinh năm 1985, CCCD số: xxxxxxx0405; Địa chỉ: A chung cư B đường C, phường D, thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Kiều Thanh H trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là ông Lê Minh Nh tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2016, ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Định; Cả hai có 01 con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 13/3/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do ông Nh đã nhiều lần cờ bạc, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H đã tạo cơ hội nhiều lần nhưng ông không thay đổi nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Lê Minh Nh thừa nhận quá trình kết hôn, con chung mâu thuẫn gia đình là đúng như nguyên đơn trình bày; hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà H. Nếu ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông sẽ cấp dưỡng nuôi con tùy theo khả năng của mình. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều Thanh H khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn ông Lê Minh Nh cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng phía bị đơn không có thiện chí hợp tác dù đã được nguyên đơn cho cơ hội để sửa đổi bản thân, chứng tỏ bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ gia đình. Theo Văn bản số 410/UBND ngày 05/7/2023 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận chưa ghi nhận về nguyên nhân phát sinh tranh chấp cũng như nguyện vọng của vợ, chồng, con. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông Nh và là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, đời sống chung

không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông Nh là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 101, ngày 26/4/2017 của Ủy ban nhân dân phường A, Quận B (Nay là thành phố C), có cơ sở xác định: Giữa bà H và ông Nh có 01 con chung là Lê Như Q, sinh ngày 13/3/2017. Xét bà H yêu cầu được nuôi con chung, ông Nh dù vắng mặt và không có ý kiến gì nhưng quá trình hòa giải ông Nh cũng đã đồng ý để bà H nuôi con, nên Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho bà H trực tiếp nuôi là phù hợp với quyền lợi mọi mặt của con; ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: Hai bên xác định không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/BTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kiều Thanh H

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều Thanh H được ly hôn với ông Lê Minh Nh.

Quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Kiều Thanh H và ông Lê Minh Nh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2016, ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Định chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về nuôi con: Giao con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 13/3/2017 cho bà Nguyễn Kiều Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Kiều Thanh H không yêu cầu ông Lê Minh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Kiều Thanh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2022/0008393 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Kiều Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Kiều Thanh H, ông Lê Minh Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thái Bình